

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2019

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lục Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Diệp.

2. Bà Nông Thị Phương Loan.

Hội thẩm nhân dân dự khuyết: Ông Bé Kim Phong.

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Tân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Nguyễn Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 40/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 về việc “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị T; Sinh năm 1971.

Nơi đăng ký HKTT: xóm N, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Nơi cư trú hiện nay: Tổ 17, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông Hoàng Thế L; Sinh năm 1969.

Nơi đăng ký HKTT: xóm N, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Nơi cư trú hiện nay: xóm L, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

(Vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2019, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lý Thị T trình bày: Bà và ông Hoàng Thế L tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào tháng 12 năm 1992 (Âm lịch), trước khi kết hôn hai vợ chồng có tìm hiểu nhau và kết hôn theo sự tự nguyện của cả hai bên. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung với nhau tại xóm L, xã H, huyện H. Đến năm 2000 hai vợ chồng chuyển hộ khẩu sang xóm N, xã B sinh sống và hai vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 20/12/2002.

Về cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng từ khi tổ chức lễ cưới thì đã có những mâu thuẫn xảy ra và đỉnh điểm là vào năm 1998 sau khi hai vợ chồng sinh đứa con tên Hoàng Thế H, nguyên nhân là do ông L hay uống rượu say và tính tình nóng nảy và quan hệ ngoài luồng lãng nhăng nhưng vì con nên bà cố gắng chịu đựng và cùng chồng sống chung đến năm 2016 thì hai vợ chồng bắt đầu sống ly thân. Về việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng thì đã được cả hai bên gia đình và hai vợ chồng hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn không giải quyết được. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng đã không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Hoàng Thế L.

Về con chung: Hai vợ chồng có 01 (một) con chung tên là Hoàng Thế H, sinh ngày 09/10/1997. Hiện nay con đã đủ 18 (mười tám) tuổi nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Hai vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hai vợ chồng có vay nợ chung với anh em họ hàng nhưng vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2019 bị đơn ông Hoàng Thế L trình bày:

Ông và bà Lý Thị T tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào ngày 16/12/1992 (Âm lịch), sau khi tổ chức lễ cưới hai vợ chồng sống chung với nhau tại xóm L, xã H, huyện H. Đến tháng 02 năm 2000 thì hai vợ chồng mua đất, làm nhà và chuyển hộ khẩu sang xóm N, xã B, đến năm 2002 hai vợ chồng đi đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện H.

Về cuộc sống hôn nhân của vợ chồng thì ông L xác nhận là cuộc sống vợ chồng luôn hạnh phúc, thỉnh thoảng cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng là mâu thuẫn nhỏ nhặt chưa trầm trọng đến mức phải ly hôn. Đến tháng 8 năm 2014 bà Lý Thị T khác mang con chung và quần áo của hai người bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Tổ 17, phường Đ, thành phố C, sau đó đến năm 2016 ông cũng quay về xóm L sống với bố mẹ đẻ. Khoảng tháng 3 năm 2018 bà Lý Thị T khác tự làm đơn ly hôn đem đến yêu cầu cho ông ký đơn nhưng ông có ý kiến là ông không muốn bỏ vợ nên ông không ký.

Hiện nay bà Lý Thị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông thì ông nhất trí với yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: Ông Hoàng Thế L xác nhận có một con chung như bà T trình bày và hiện nay con đã trên 18 (mười tám) tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Ông xác nhận hai vợ chồng có tài sản chung, không có vay nợ chung. Về tài sản chung hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc tham gia tố tụng tại Tòa án thì ông Hoàng Thế L có ý kiến đề nghị giải quyết vắng mặt khi Tòa án mở phiên tòa và ông vẫn giữ nguyên lời khai trên để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Lý Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình

Ông Hoàng Thế L vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và ông vẫn giữ nguyên lời khai của mình là nhất trí với yêu cầu ly hôn của bà Lý Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đúng quy định và đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng.

Việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử công khai tại phiên tòa. Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 227, 228, 235, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng các điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ của vụ án đã được thẩm tra, trên cơ sở những lời trình bày và kết quả tranh luận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật: Bà Lý Thị T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng giải quyết ly hôn với ông Hoàng Thế L đây là tranh chấp phát sinh trong hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện của bà Lý Thị T thể hiện bị đơn là ông Hoàng Thế L, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm N, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng qua xác minh thì hiện nay ông L đang cư trú tại xóm L, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

[1.3] Về việc giải quyết vắng mặt người tham gia tố tụng: Bị đơn ông Hoàng Thế L đã được tổng đạt giấy triệu tập theo quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa, có đơn và lời khai đề nghị giải quyết vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị T và ông Hoàng Thế L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện H, Cao Bằng vào ngày 20 tháng 12 năm 2002, do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng giữa bà T và ông L thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng đến những năm 2000 - 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng tính tình không hợp. Khi có mâu thuẫn xảy ra thì hai vợ chồng không cùng nhau tháo gỡ mà bỏ mặc để mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L, phía ông L cũng nhất trí ly hôn. Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L đã không thể tiếp tục được nữa, cả bà T và ông L nhất trí thuận tình ly hôn. Việc các đương sự thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà T và ông L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Hai vợ chồng có 01 (một) con chung tên là Hoàng Thế H, sinh ngày 09/10/1997, hiện nay con chung đã đủ 18 (mười tám) tuổi nên cả hai vợ chồng không đặt vấn đề giải quyết nuôi con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông L đều xác nhận vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu Tòa án giải quyết. Về vay nợ chung thì bà T xác nhận có vay nợ chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lý Thị T và ông Hoàng Thế L.

Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L chấm dứt kể từ thời điểm bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông L cùng xác nhận có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, Bà T xác nhận có vay nợ chung vợ chồng nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Bà Lý Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn sung công quỹ Nhà nước. Nhưng được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001295 ngày 18/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Bế Triều;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Lục Thanh Hải